

Số: 20/2015/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 01 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý, vận hành khai thác cầu, đường
giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Nam Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12/12/2013 của Bộ GTVT quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 20/2014/TT-BGTVT ngày 30/5/2014 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 52/2013/TT-BGTVT;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BGTVT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 32/2014/TT-BGTVT ngày 08/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn;

Xét nội dung báo cáo thẩm định số 179 /BC-STP ngày 26 /11 /2014 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo "Quy định về quản lý, vận hành khai thác cầu, đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Nam Định";

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải Nam Định tại Tờ trình số 1352 /TTr-SGTVT ngày 29/6/2015 về việc ban hành Quy định về quản lý, vận hành khai thác cầu, đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Nam Định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, vận hành khai thác cầu, đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

Nơi nhận:

- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản QPPL);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Công báo tỉnh;
- Website tỉnh, Website VP UBND tỉnh;
- Lưu: Vp1, Vp3, Vp5

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Bùi Đức Long
Bùi Đức Long

QUY ĐỊNH

**Quy định về quản lý, vận hành khai thác cầu, đường giao thông nông thôn
trên địa bàn tỉnh Nam Định**

*(Kèm theo Quyết định số: 20/2015/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2015
của UBND tỉnh Nam Định)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, vận hành khai thác cầu, đường giao thông nông thôn (GTNT) trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý vận hành khai thác cầu, đường GTNT.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đường GTNT: bao gồm đường trục xã, đường liên xã, đường trục thôn; đường trong ngõ xóm và các điểm dân cư tương đương; đường trục chính nội đồng.

2. Cầu trên đường GTNT: bao gồm cầu có kết cấu nhịp dạng dầm, dàn, khung, vòm được xây dựng trên đường GTNT.

3. Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT: là tên gọi chung của tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao quản lý, vận hành khai thác và sử dụng cầu, đường GTNT do nhà nước đầu tư; Chủ đầu tư đối với cầu, đường GTNT không do Nhà nước góp vốn đầu tư; cộng đồng dân cư đối với cầu, đường GTNT do cộng đồng đóng góp hoặc các tổ chức, cá nhân đóng góp vốn đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành khai thác và bảo trì.

4. Đơn vị quản lý cầu, đường GTNT: là tổ chức, cá nhân được Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT giao nhiệm vụ, ký kết hợp đồng thực hiện việc quản lý, vận hành khai thác, bảo dưỡng thường xuyên cầu, đường GTNT.

Điều 4. Yêu cầu đối với công tác quản lý, vận hành khai thác cầu, đường GTNT

1. Việc quản lý, vận hành khai thác cầu, đường GTNT phải bảo đảm an toàn giao thông, an toàn cho công trình đường bộ, an toàn cho người, tài sản và công trình khác trong phạm vi hành lang an toàn cầu, đường GTNT, phòng, chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

2. Cầu, đường GTNT khi đưa vào vận hành khai thác phải bảo đảm chất lượng theo quy định.

3. Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân thực hiện các hành vi sau:

a) Tự ý tháo, lắp hoặc có hành vi phá hoại, làm mất tác dụng các bộ phận, hạng mục của công trình cầu, đường GTNT;

b) Lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn cầu, đường GTNT;

c) Sử dụng các bộ phận, hạng mục thuộc công trình cầu, đường GTNT, đất của cầu, đường GTNT trái quy định;

d) Lắp đặt trái phép đường ống cấp nước, thoát nước, dây tải điện, cáp quang, cáp viễn thông và các công trình khác vào các bộ phận, hạng mục đường GTNT hoặc trong phạm vi hành lang an toàn cầu, đường GTNT.

4. Việc quản lý, vận hành khai thác cầu, đường GTNT phải phù hợp với việc khai thác vận hành các công trình Thủy lợi theo pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình Thủy lợi số 32/2001/PL-UBTVQH10.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KHAI THÁC CẦU, ĐƯỜNG GTNT

Điều 5. Tiếp nhận cầu, đường GTNT hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào vận hành khai thác

1. Khi bàn giao cầu, đường GTNT đưa vào sử dụng, Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, tổ chức giám sát thi công xây dựng và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến giai đoạn xây dựng, Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT phải tiến hành kiểm tra, rà soát các hạng mục, bộ phận công trình cầu, đường GTNT. Trường hợp có khiếm khuyết, tồn tại về chất lượng thì phải khắc phục đảm bảo quy định thiết kế mới được tổ chức bàn giao.

2. Trước khi bàn giao đưa cầu, đường GTNT vào vận hành khai thác, Chủ đầu tư phải bàn giao cho Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT các hồ sơ tài liệu sau:

a) Quy trình bảo trì, trừ các trường hợp không phải lập Quy trình bảo trì bao gồm: Công trình tạm; Công trình, hạng mục công trình đã có quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

b) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, bản vẽ hoàn công, hồ sơ cọc mốc đèn bù giải phóng mặt bằng thực tế, mốc lộ giới hành lang an toàn cầu, đường GTNT;

c) Mốc cao độ, tọa độ xây dựng công trình cầu, đường GTNT.

3. Trong thời gian bảo hành theo quy định, Chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện sửa chữa các hư hỏng, khiếm khuyết, thay thế bộ phận, hạng mục bị hư hỏng và thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Điều 6. Xác định phạm vi quản lý, bảo vệ cầu, đường GTNT

Phạm vi quản lý, bảo vệ cầu, đường GTNT bao gồm:

1. Các công trình trên đường GTNT;

2. Phạm vi đất dành cho đường bộ, bao gồm hành lang an toàn đường bộ và đất của đường bộ theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

3. Hệ thống đèn chiếu sáng lắp đặt trên đường hoặc trên các bộ phận thuộc đường GTNT (nếu có).

Điều 7. Lập, bảo quản, lưu trữ hồ sơ quản lý, vận hành khai thác cầu, đường GTNT

1. Trong quá trình quản lý, vận hành khai thác, Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT, Đơn vị quản lý cầu, đường GTNT có trách nhiệm lập các hồ sơ tài liệu sau:

a) Lập và ghi nhật ký tuần tra theo dõi tình trạng cầu, đường GTNT;

b) Lập hồ sơ đăng ký cầu, đường GTNT;

c) Các hồ sơ tài liệu, biên bản, văn bản kiểm tra kỹ thuật, đánh giá tình trạng cầu, đường GTNT;

d) Hồ sơ tài liệu liên quan đến sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất, kết quả kiểm định chất lượng công trình (nếu có);

đ) Văn bản, biên bản xử lý các hành vi vi phạm đối với cầu, đường GTNT, hành lang an toàn cầu, đường GTNT;

e) Các văn bản liên quan đến an toàn giao thông;

g) Số liệu đếm xe trên đường (nếu có).

2. Các hồ sơ, tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 1 Điều này là tài liệu phục vụ công tác quản lý, vận hành khai thác cầu, đường GTNT và được lưu trữ, bảo quản như sau:

a) Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT lưu trữ, bảo quản các tài liệu theo quy định tại điểm b, c, d, đ và điểm e khoản 1 Điều này;

b) Đơn vị quản lý cầu, đường GTNT lưu trữ toàn bộ các tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 1 Điều này.

3. Thời gian lưu trữ hồ sơ quản lý cầu, đường GTNT thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ, nhưng không ít hơn tuổi thọ cầu, đường GTNT.

Điều 8. Biển báo hiệu đường bộ

Đường GTNT khi xây dựng và trong quá trình khai thác, cầu đưa vào khai thác phải được cấm các loại biển báo hiệu đường bộ và hệ thống an toàn giao thông theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 41:2012/BGTVT, bao gồm:

1. Đối với phần đường bộ cấm các loại biển sau:

a) Biển “Hạn chế trọng lượng xe” (Biển số 115); Trường hợp có quy định hạn chế trọng lượng trên trục xe thì cấm biển “Hạn chế trọng lượng trên trục xe” (Biển số 116);

b) Biển báo quy định “Tốc độ tối đa cho phép” (Biển số 127);

c) Trường hợp có quy định cấm đối với loại xe nào thì cấm biển cấm đối với loại xe đó (Ví dụ đoạn đường cần cấm tất cả các loại ô tô tải từ 1,5 T trở lên thì cấm biển “Cấm ô tô tải” (Biển số 106a);

d) Trường hợp đường GTNT giao nhau với đường sắt có rào chắn phải cấm biển “Giao nhau với đường sắt có rào chắn” (Biển số 210), trường hợp không có rào chắn phải cấm biển “Giao nhau với đường sắt không có rào chắn” (Biển số 211a);

đ) Tại vị trí đường GTNT giao nhau với quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện phải cấm biển “Giao nhau với đường ưu tiên” (Biển số 208);

e) Các biển báo hiệu đường bộ khác phù hợp với tổ chức giao thông, điều kiện khai thác và tình trạng tuyến đường.

2. Đối với các đường trục thôn, đường trong ngõ xóm và các điểm dân cư tương đương, đường trục chính nội đồng thì kích thước biển báo, kích thước chữ viết, đường viền xung quanh biển báo và hình vẽ trên biển báo bằng 0,70 lần kích thước quy định tại Quy chuẩn QCVN 41:2012/BGTVT. Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn QCVN 41:2012/BGTVT.

3. Đối với cầu cho phép ô tô đi qua, cấm các biển sau:

a) Biển “tên cầu” (Biển số 439);

b) Biển “hạn chế tải trọng xe” (Biển số 115); trường hợp có quy định hạn chế trọng lượng trên 01 trục xe thì cấm thêm biển “hạn chế trọng lượng trên trục xe” (Biển 116);

4. Đối với cầu chỉ cho phép xe thô sơ và người đi bộ đi qua thì cấm biển “tên cầu” (Biển số 439), biển “cấm ô tô” (Biển số 103a) và biển “cấm xe súc vật kéo” (Biển số 114);

5. Đối với cầu chỉ cho phép người đi bộ đi qua thì cấm các biển như quy định tại khoản 3 Điều này và biển “cấm người kéo, đẩy” (Biển số 113).

Điều 9. Tổ chức giao thông trên đường GTNT

1. Nội dung tổ chức giao thông gồm:

a) Lắp đặt hệ thống báo hiệu đường bộ theo quy định tại Điều 8 Quy định này;

b) Phân làn, phân luồng, phân tuyến cho người, phương tiện tham gia giao thông và quy định thời gian đi lại (nếu cần) cho phù hợp với điều kiện thực tế; Thông báo công khai, kịp thời khi có sự thay đổi về phân luồng, phân tuyến, thời gian đi lại tạm thời hoặc lâu dài; thực hiện các biện pháp ứng cứu khi có sự cố xảy ra và các biện pháp khác về đi lại trên đường bộ để đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn.

2. UBND cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức giao thông trên hệ thống cầu, đường GTNT trên địa bàn quản lý; căn cứ tình hình thực tế phân cấp cho UBND cấp xã tổ chức giao thông nông thôn cho phù hợp.

3. Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT, Đơn vị quản lý cầu, đường GTNT có trách nhiệm:

a) Tổ chức, hướng dẫn người tham gia giao thông thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều này và chấp hành quy định về tổ chức giao thông do cơ quan có thẩm quyền tại khoản 2 Điều này quy định;

b) Tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân hiểu và chấp hành đúng các quy định khi tham gia giao thông và quy định về quản lý, vận hành khai thác cầu, đường GTNT.

Điều 10. Tuần tra, theo dõi tình trạng cầu, đường GTNT

1. Công tác tuần tra, theo dõi tình trạng cầu, đường GTNT do Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thông qua các hình thức sau:

a) Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT trực tiếp tổ chức thực hiện công tác tuần tra, theo dõi tình trạng đường;

b) Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT giao nhiệm vụ, ký hợp đồng để Đơn vị quản lý cầu, đường GTNT thực hiện một phần hoặc toàn bộ công tác tuần tra, theo dõi tình trạng đường; giám sát, kiểm tra Đơn vị quản lý cầu, đường GTNT thực hiện tuần tra, theo dõi tình trạng cầu, đường GTNT.

2. Nội dung tuần tra, theo dõi và xử lý khi tuần tra tình trạng cầu, đường GTNT bao gồm:

a) Tuần tra, theo dõi, phát hiện tình trạng bất thường, sự cố công trình đường bộ, các công trình khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông, tai nạn, ùn tắc giao thông, các hành vi vi phạm (nếu có);

b) Thống kê số lượng, vị trí, tình trạng kỹ thuật của các hạng mục công trình đường bộ, hệ thống cọc mốc giải phóng mặt bằng, cọc mốc lộ giới, hiện trạng phạm vi hành lang an toàn đường bộ; kiểm tra thường xuyên để phát hiện hư hỏng, sự xâm hại công trình.

Trường hợp đủ điều kiện sửa chữa, thì Đơn vị quản lý cầu, đường GTNT phải tiến hành sửa chữa ngay các hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn giao thông. Trường hợp chưa đủ điều kiện sửa chữa, thì Đơn vị quản lý cầu, đường GTNT báo cáo Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT để xử lý.

Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

3. Nội dung tuần tra, theo dõi tình trạng cầu bao gồm:

a) Theo dõi tình trạng làm việc, phát hiện các hư hỏng (nếu có) của các hạng mục sau: Kết cấu nhịp dầm, dàn, khung, vòm cầu; Mặt cầu, lan can tay vịn, gờ chắn bánh, ống thoát nước, gói cầu, khe co giãn; Mố, trụ cầu và các công trình phòng chống xói lở; Đường đầu cầu và hệ thống rãnh dọc thuộc đường hai đầu cầu; Biển báo hiệu, bảng hướng dẫn và các công trình an toàn giao thông khác (nếu có);

b) Khi phát hiện các hư hỏng công trình, bộ phận công trình cầu, Đơn vị quản lý cầu, đường GTNT phải tổ chức sửa chữa, khắc phục ngay để đảm bảo an toàn giao thông. Trường hợp không đủ điều kiện sửa chữa ngay, Đơn vị quản lý cầu, đường GTNT phải lập kế hoạch sửa chữa công trình báo cáo Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT để xử lý.

Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

4. Trường hợp khi tuần tra phát hiện mất an toàn giao thông thì thực hiện các công việc sau:

a) Triển khai ngay các biện pháp đảm bảo giao thông tạm thời, hạn chế tải trọng và tốc độ;

b) Tạm dừng giao thông khi thấy nguy hiểm và báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT để quyết định các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông.

5. Ghi nhật ký khi tuần tra, theo dõi tình trạng cầu, đường GTNT. Nội dung nhật ký bao gồm:

a) Thời gian tuần tra;

b) Người thực hiện;

c) Các hư hỏng được phát hiện; các hư hỏng đã được sửa chữa khi tuần tra, các hư hỏng chưa đủ điều kiện sửa chữa khi tuần tra và kiến nghị chuyển sang bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ hoặc đột xuất và các xử lý cần thiết khác;

d) Các vi phạm đã được khắc phục, các vi phạm chưa được khắc phục, kiến nghị xử lý;

đ) Nhận xét về khả năng đảm bảo giao thông; đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các tồn tại. Người tuần tra, theo dõi cầu, đường GTNT sau khi ghi nhật ký phải ký và ghi rõ họ tên.

6. Số lần tuần tra, theo dõi tình trạng cầu, đường GTNT:

Căn cứ vào từng loại đường, công trình trên đường GTNT, Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT xác định cho phù hợp, đảm bảo có thể phát hiện, xử lý kịp thời các hư hỏng cầu đường có thể xảy ra, nhất là với những cầu yếu trong những ngày có bão, lũ, lụt.

7. Công việc tuần tra, theo dõi tình trạng cầu, đường GTNT được thực hiện độc lập, hoặc kết hợp với công tác bảo dưỡng thường xuyên cầu, đường GTNT.

Điều 11. Kiểm tra kỹ thuật các công trình trên đường GTNT

1. Kiểm tra kỹ thuật các công trình trên đường GTNT là việc xem xét bằng trực quan hoặc bằng thiết bị chuyên dụng để đánh giá thực trạng công trình nhằm phát hiện các dấu hiệu hư hỏng của công trình trên đường GTNT, bao gồm: kiểm tra kỹ thuật phần đường, cầu.

2. Kiểm tra kỹ thuật phần đường:

a) Kiểm tra nền đường tại các vị trí có khả năng lún, sụt lở ta luy, các vị trí có nguy cơ ngập nước; kiểm tra sự ổn định và đánh giá các hư hỏng (nếu có) của các công trình kè, tường chắn;

b) Kiểm tra mặt đường thông qua đánh giá độ bằng phẳng, dốc ngang, các hiện tượng trơn trượt; đánh giá các hư hỏng trên mặt đường, lề đường;

c) Kiểm tra khả năng thoát nước và tình trạng làm việc của hệ thống thoát nước (cống, rãnh dọc, hố thu, hố thăm, rãnh xương cá ở lề đường và các hạng mục khác); đánh giá các hư hỏng khác (nếu có);

d) Kiểm tra, đánh giá tình trạng hệ thống biển báo hiệu đường bộ và các công trình an toàn giao thông.

3. Kiểm tra kỹ thuật phần cầu:

a) Kiểm tra kỹ thuật kết cấu nhịp dầm, dàn, khung, vòm

Kiểm tra đánh giá dầm, dàn, khung, vòm bằng thép, bê tông cốt thép, đá xây (nếu có đối với cầu vòm) và dầm gỗ, thông qua đo đạc, thử tải, lập hồ sơ theo dõi vết nứt và các hoạt động khác để đánh giá khả năng chịu lực của kết cấu dầm, dàn, khung, vòm cầu;

b) Kiểm tra kỹ thuật đối với mố, trụ cầu: kiểm tra đánh giá xói lở của dòng chảy tác động đến mố, trụ cầu; kiểm tra, theo dõi hiện tượng lún, hiện tượng nghiêng lệch, chuyển vị của bộ móng, thân, đỉnh mố, trụ cầu; kiểm tra, theo dõi hiện tượng nứt xuất hiện trên mố, trụ bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá xây;

4. Trách nhiệm thực hiện kiểm tra kỹ thuật:

a) Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT tự thực hiện kiểm tra kỹ thuật. Trường hợp không đủ năng lực và điều kiện, Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT giao Đơn vị quản lý cầu, đường GTNT hoặc thuê tổ chức tư vấn có đủ năng lực thực hiện.

b) Số lần kiểm tra kỹ thuật định kỳ và đột xuất do Chủ quản lý sử dụng công trình quyết định theo hiện trạng cầu, đường GTNT, nhưng không được ít hơn quy định sau:

- Không ít hơn 1 lần/1 năm với cầu cấp IV (chiều dài nhịp <25m) và các công trình trên đường GTNT;

- Không ít hơn 2 lần/1 năm đối với cầu hết thời hạn khai thác, nhưng đã kiểm định đủ điều kiện sử dụng tiếp;

- Không ít hơn 3 lần/1 năm đối với cầu yếu nhưng chưa có điều kiện thay thế đang phải cấm biển báo hạn chế khai thác;

c) Khi phát hiện các công trình trên đường GTNT hư hỏng, xuống cấp có nguy cơ mất an toàn giao thông trên địa bàn, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã phải phối hợp với Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT kiểm tra xác định khả năng khai thác. Trường hợp mất an toàn phải tạm dừng khai thác ngay để khắc phục và tổ chức phân luồng giao thông.

5. Kết thúc kiểm tra kỹ thuật, các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện phải lập báo cáo kiểm tra với các nội dung sau:

a) Tên đường, các công trình trên đường GTNT được kiểm tra;

b) Ngày tháng năm tiến hành kiểm tra;

c) Tên tổ chức, cá nhân, chuyên gia, tư vấn thực hiện kiểm tra;

d) Kết quả kiểm tra các công trình;

đ) Nhận xét, đánh giá về thực trạng khai thác của cầu, đường GTNT, các công trình trên đường tại thời điểm kiểm tra; so sánh với các lần kiểm tra trước;

e) Kiến nghị các công việc sửa chữa, khắc phục hoặc kiến nghị khác (nếu có).

Điều 12. Sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, khiếm khuyết phát sinh không đủ điều kiện thực hiện ở bước tuần tra theo dõi và kiểm tra kỹ thuật

1. Các khiếm khuyết, hư hỏng của công trình trên đường GTNT được phát hiện, nhưng không đủ điều kiện sửa chữa ngay khi tuần tra, theo dõi và kiểm tra

kỹ thuật, Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT phải tổ chức lập kế hoạch sửa chữa công trình.

2. Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT có trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất hoặc kiểm định chất lượng (nếu cần thiết) theo quy định của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Xử lý đối với cầu, đường GTNT đang khai thác có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác; xử lý sự cố công trình

1. Khi phát hiện hoặc nhận được thông báo công trình trên đường GTNT có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, Chủ quản lý sử dụng đường GTNT phải thực hiện ngay các quy định sau:

- a) Kiểm tra công trình, nếu cần thiết thì phải kiểm định chất lượng công trình;
- b) Thực hiện các biện pháp để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn cho công trình trên đường GTNT;
- c) Báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có sự cố công trình và phòng Công Thương huyện;
- d) Sửa chữa ngay những hư hỏng có nguy cơ làm ảnh hưởng đến an toàn khi vận hành khai thác đường GTNT và thực hiện các biện pháp phòng hộ để bảo đảm an toàn, hạn chế nguy cơ sập đổ công trình trên đường GTNT gây sự cố nghiêm trọng.

Trong trường hợp Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT không đủ năng lực và khả năng chuyên môn để thực hiện các biện pháp phòng hộ, Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước và Ủy ban nhân dân các cấp hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng hộ cho công trình.

2. Khi nhận được báo cáo hoặc khi phát hiện công trình trên đường GTNT có biểu hiện xuống cấp, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác sử dụng, Cơ quan quản lý nhà nước nhận được báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

- a) Tổ chức kiểm tra, thông báo, yêu cầu và hướng dẫn Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT tổ chức khảo sát, kiểm định chất lượng, đánh giá mức độ nguy hiểm, thực hiện sửa chữa hoặc phá dỡ bộ phận công trình, công trình nếu cần thiết;
- b) Quyết định áp dụng các biện pháp quy định tại các điểm b khoản 1 Điều này nếu Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT không có khả năng thực hiện;
- c) Xử lý trách nhiệm Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT khi không thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có trách nhiệm thông báo cho Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT, Đơn vị quản lý cầu, đường GTNT, cơ quan quản lý nhà

nước, chính quyền các cấp khi phát hiện sự cố hay xuống cấp về chất lượng của công trình trên đường GTNT, không bảo đảm an toàn để kịp thời xử lý theo quy định.

4. Việc xử lý khi có sự cố công trình hoặc nguy cơ sự cố sập đổ công trình thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ, VẬN HÀNH KHAI THÁC CẦU, ĐƯỜNG GTNT

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Hướng dẫn, kiểm tra các địa phương việc thực hiện các quy định về quản lý, vận hành khai thác và tổ chức giao thông trên hệ thống cầu, đường GTNT, mẫu nhật ký tuần tra, theo dõi tình trạng cầu, đường GTNT.

2. Hàng năm thống kê, tổng hợp cầu đường GTNT trong toàn tỉnh theo tiêu chuẩn kỹ thuật đường GTNT báo cáo UBND tỉnh và Bộ Giao thông vận tải; tổng hợp tình hình quản lý, vận hành khai thác đường GTNT trên địa bàn tỉnh, danh sách các công trình trên đường GTNT bị hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện khai thác an toàn báo cáo, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo xử lý.

Điều 15. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài sản hạ tầng cầu đường GTNT thuộc phạm vi địa bàn huyện quản lý; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra UBND cấp xã, cộng đồng dân cư và các cơ quan trực thuộc thực hiện trách nhiệm trong việc quản lý, vận hành khai thác các cầu, đường GTNT trên địa bàn.

2. Hàng năm thống kê, phân loại theo tiêu chuẩn kỹ thuật cầu, đường GTNT trên địa bàn; tổng hợp tình hình quản lý, vận hành khai thác các cầu, đường GTNT; danh sách các công trình trên đường GTNT bị hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện khai thác an toàn báo cáo và kiến nghị xử lý gửi Sở Giao thông vận tải.

Điều 16. Trách nhiệm của UBND cấp xã

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về cầu đường GTNT trên địa bàn, xác định Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT trên địa bàn và hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Chủ quản lý sử dụng cầu đường GTNT và cộng đồng dân

cur, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện trách nhiệm đối với việc quản lý, vận hành khai thác cầu, đường GTNT theo quy định.

2. Là Chủ quản lý sử dụng, chịu trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác cầu, đường GTNT do Nhà nước đầu tư hoặc nhận bàn giao do cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân đầu tư. Tổ chức thực hiện hoặc ký kết hợp đồng với đơn vị Quản lý cầu, đường GTNT để thực hiện (một phần hoặc toàn bộ) công việc quản lý, vận hành khai thác cầu, đường GTNT.

3. Hàng năm thống kê, phân loại theo tiêu chuẩn kỹ thuật cầu, đường GTNT trên địa bàn; tổng hợp tình hình quản lý, vận hành khai thác các cầu, đường GTNT, danh sách các công trình trên đường GTNT bị hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện khai thác an toàn để báo cáo và kiến nghị xử lý với UBND cấp huyện.

Điều 17. Trách nhiệm của Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT:

1. Trực tiếp thực hiện công tác quản lý, vận hành khai thác cầu, đường GTNT theo quy định; kiểm tra, giám sát việc thực hiện của Đơn vị quản lý cầu, đường GTNT trong trường hợp ký hợp đồng giao cho Đơn vị quản lý, cầu, đường GTNT quản lý, vận hành khai thác, bảo dưỡng thường xuyên cầu, đường GTNT.

2. Hàng năm thống kê, phân loại theo tiêu chuẩn kỹ thuật cầu, đường được giao quản lý vận hành khai thác; tổng hợp tình hình quản lý, vận hành khai thác các cầu, đường GTNT, danh sách các công trình trên đường GTNT bị hư hỏng, xuống cấp không đủ điều kiện khai thác an toàn để báo cáo và kiến nghị xử lý với UBND cấp xã.

Điều 18. Trách nhiệm của Đơn vị quản lý cầu, đường GTNT:

1. Tổ chức tuần tra, kiểm tra và bảo vệ kết cấu hạ tầng cầu, đường GTNT theo quy định;

2. Thực hiện nhiệm vụ theo quy định và hướng dẫn của Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT.

Điều 19. Trách nhiệm của cộng đồng dân cư, các tổ chức, cá nhân góp vốn đầu tư xây dựng đường GTNT

1. Là Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT do mình là Chủ đầu tư, thực hiện trách nhiệm của Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT theo quy định tại Điều 17 của Quy định này.

2. Trường hợp các tổ chức, cá nhân đã xây dựng cầu, đường GTNT không đủ khả năng làm Chủ quản lý sử dụng cầu, đường GTNT thì tiến hành bàn giao cho UBND cấp xã hoặc cộng đồng dân cư để thực hiện quyền và nghĩa vụ quản lý, vận hành khai thác.

Điều 20. Kinh phí thực hiện quản lý, bảo trì cầu, đường GTNT:

Kinh phí quản lý, bảo trì cầu, đường GTNT bao gồm:

1. Nguồn thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô từ Quỹ bảo trì đường bộ các địa phương;
2. Các nguồn đóng góp, huy động của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư;
3. Nguồn vốn ngân sách của xã và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Bùi Đức Long